CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Ngày 28/06/2024	14,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	30.9%	**54.5%**	**54.5%**

DT thuần
Q2/24
98.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 41.6| 72.9%
YoY: ▲ 21.8| 28.4%

LN thuần
Q2/24
0.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.49| 290%
YoY: ▼0.19| -22.0%

LN sau thuế
Q2/24
0.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.36| 154%
YoY: ▼0.20| -25.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
1.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q2/24
5.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

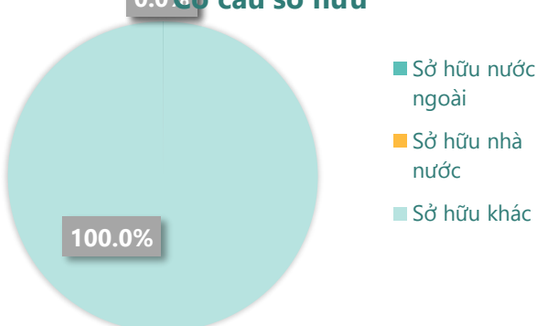
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,669 - 19,110
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	140
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.16)
EPS	800
P/E	18.0

DT thuần
6T 2024
156
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0| 20.5%

LN thuần
6T 2024
0.84
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.28| -25.2%

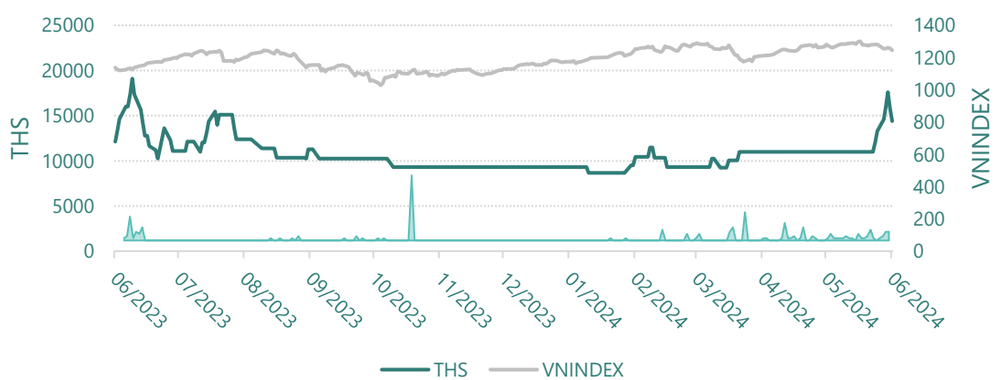
LN sau thuế
6T 2024
0.82
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.20| -20.1%

Cơ cấu sở hữu

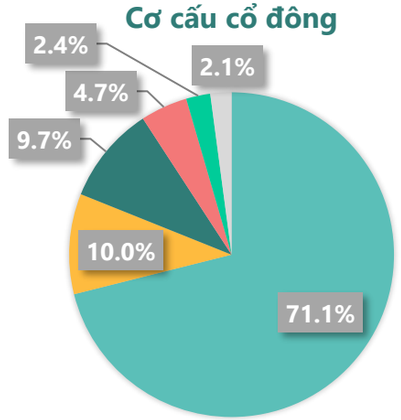


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

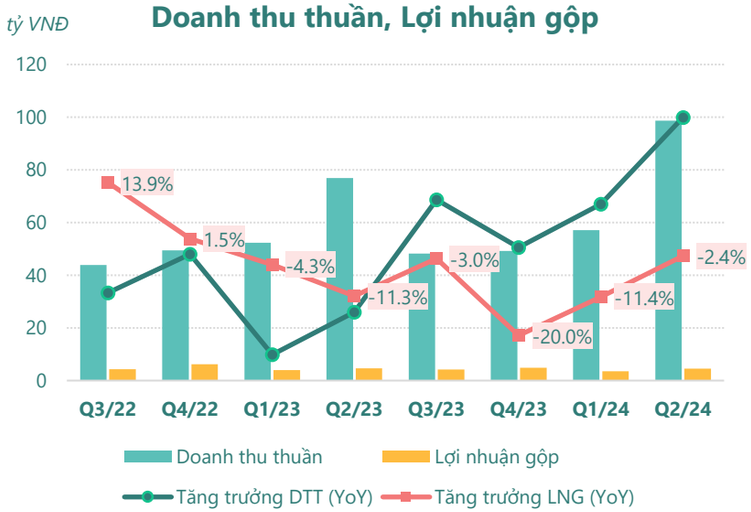




(Nguồn: fireant.vn)

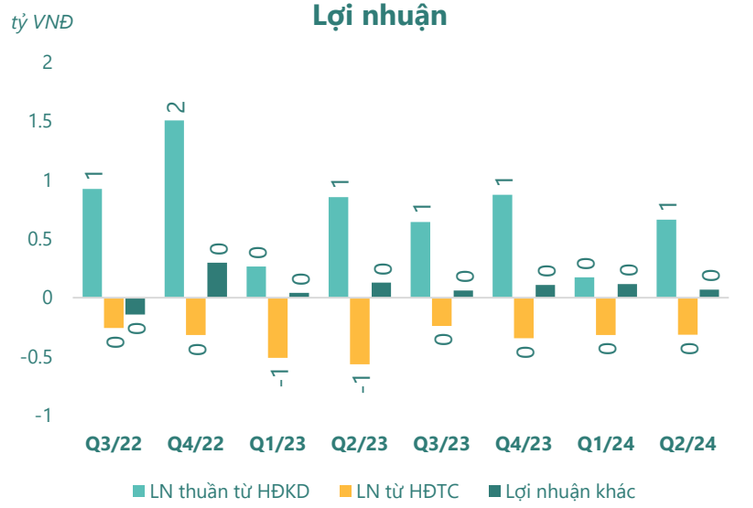
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



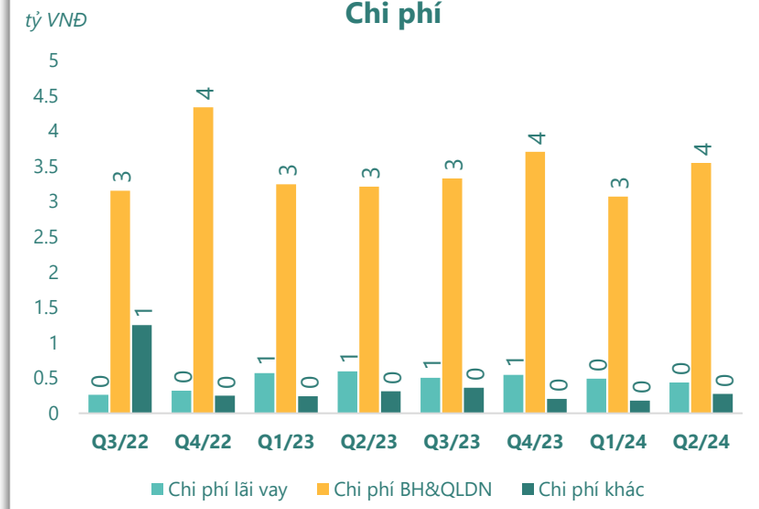
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



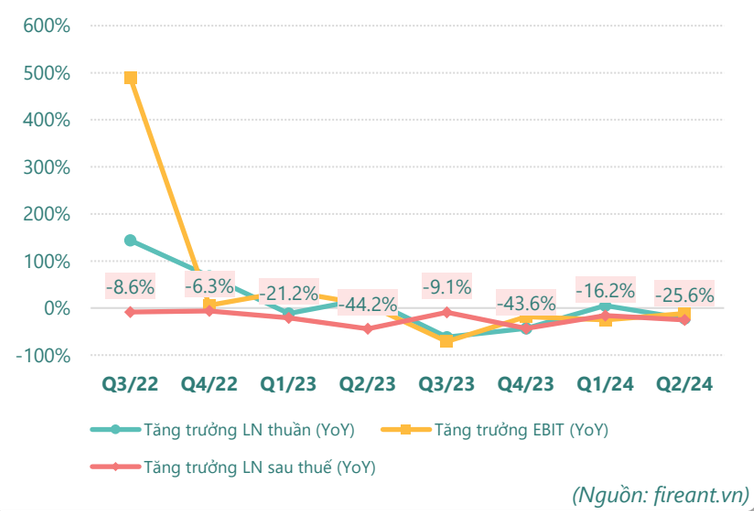
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



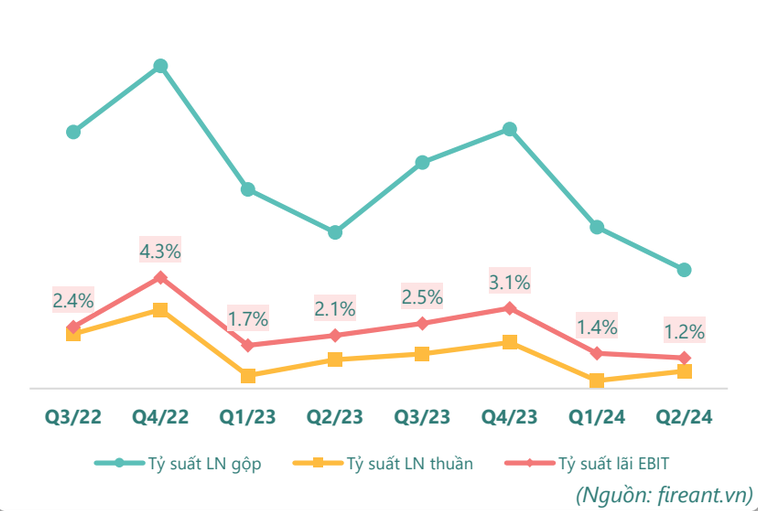
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

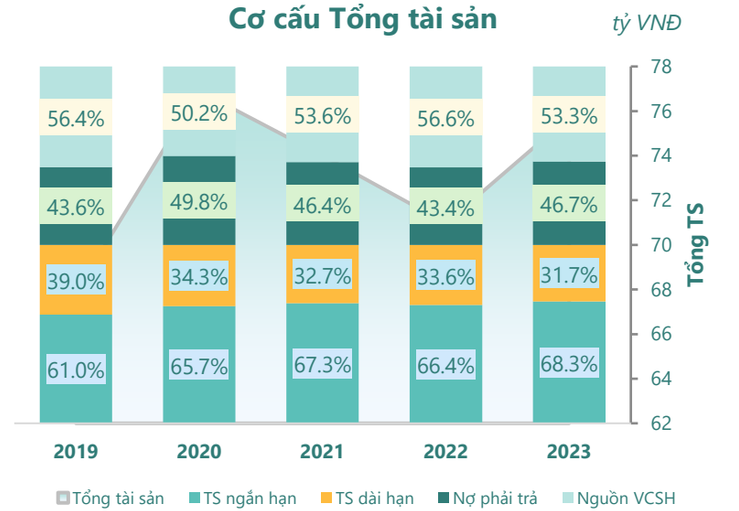
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

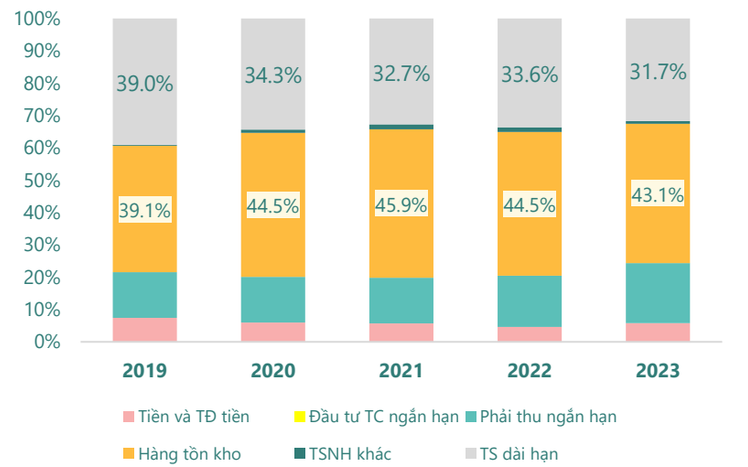
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



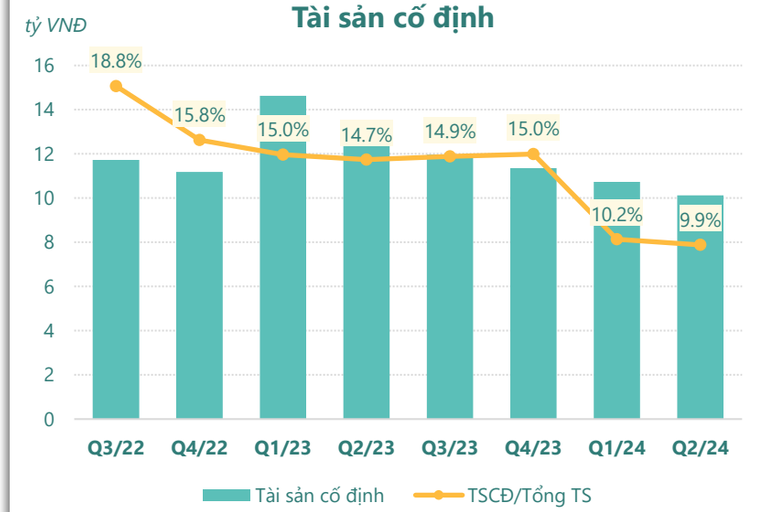
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



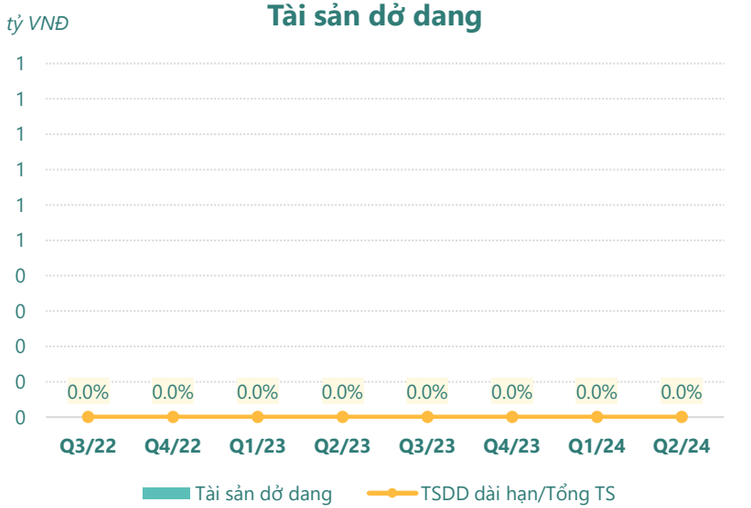
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



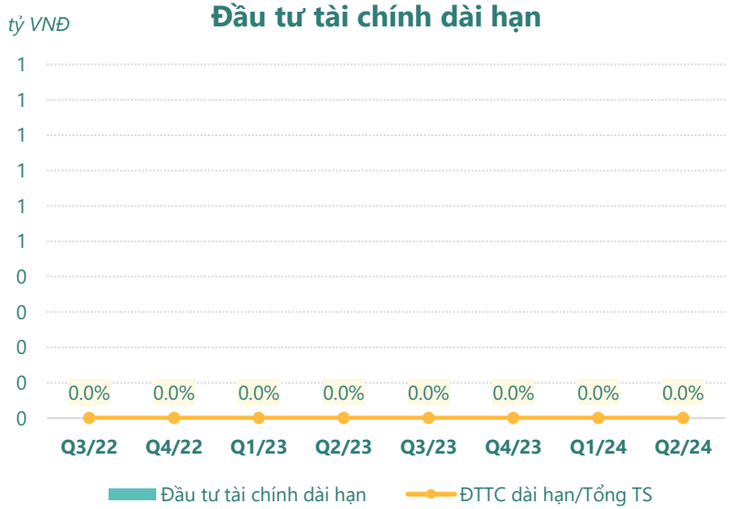
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



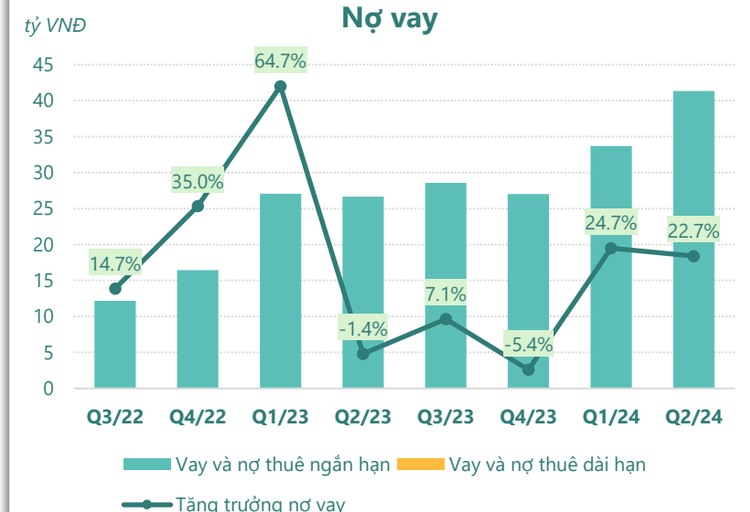
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

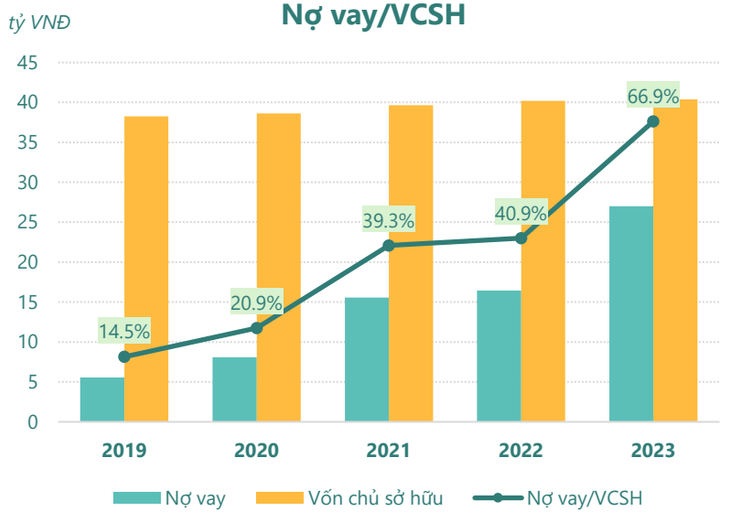
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



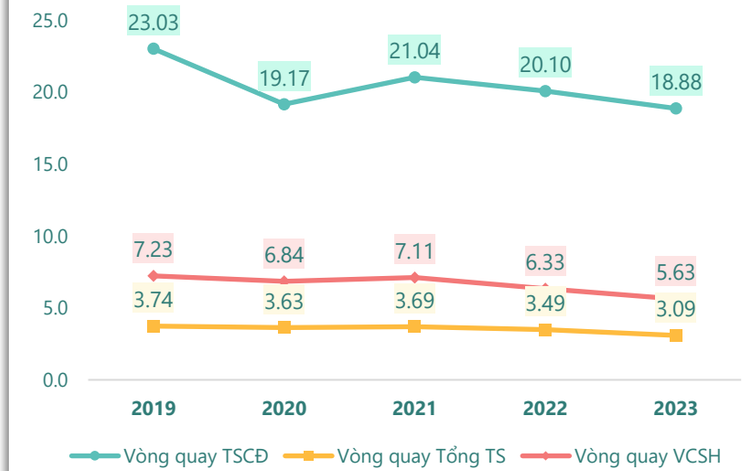
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



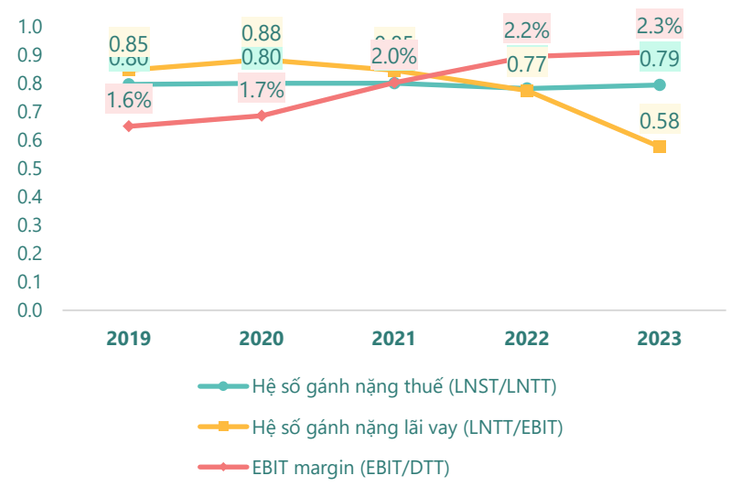
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



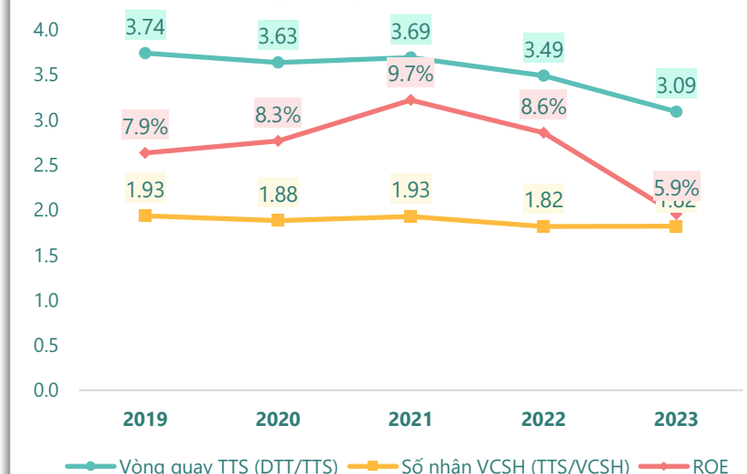
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



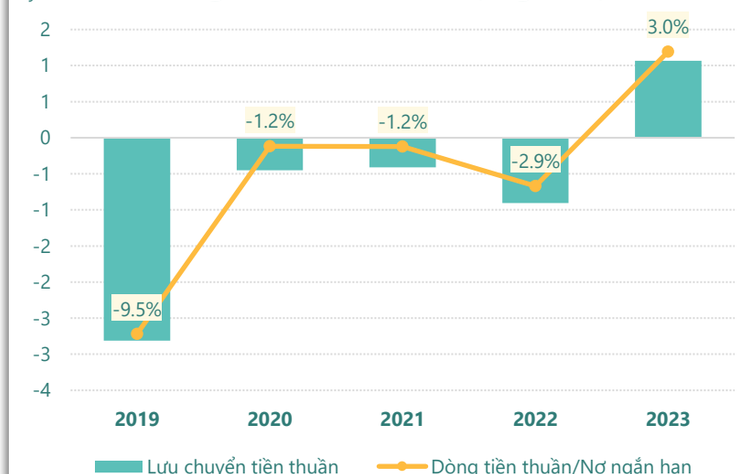
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.7**	**76.9**	**28.4%**	**156**	**129**	**20.5%**
Giá vốn hàng bán	94.2	72.3	30.3%	148	121	22.5%
Lợi nhuận gộp	4.52	4.63	-2.3%	8.08	8.66	-6.6%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.03	302%	0.29	0.09	243%
Chi phí TC	0.43	0.59	-26.3%	0.92	1.16	-20.4%
Chi phí lãi vay	0.43	0.59	-26.3%	0.92	1.16	-20.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.36	2.23	6.0%	4.41	4.34	1.6%
Chi phí QLDN	**1.18**	**0.98**	**20.6%**	**2.21**	**2.12**	**4.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.66	0.85	-22.0%	0.84	1.12	-25.2%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.13**	**-47.5%**	**0.18**	**0.17**	**8.4%**
LN trước thuế	0.73	0.98	-25.4%	1.02	1.29	-20.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.59**	**0.79**	**-25.9%**	**0.82**	**1.02**	**-20.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.59**	**0.79**	**-25.9%**	**0.82**	**1.02**	**-20.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.57	0.70	-0.71	3.93	-5.78	-4.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.69	1.52	-0.35	-0.20	-0.17	-0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.6	-2.53	1.89	-1.54	6.67	5.49
Tiền đầu kỳ	3.29	1.65	1.34	2.17	4.36	5.07
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.64**	**-0.31**	**0.83**	**2.19**	**0.71**	**0.67**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.65	1.34	2.17	4.36	5.07	5.75

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**103**	**75.7**	**35.8%**
Tài sản ngắn hạn	80.8	51.7	56.3%
Tiền và tương đương tiền	5.75	4.36	31.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	22.3	14.1	58.1%
Hàng tồn kho	51.4	32.6	57.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.39	0.63	121%
Tài sản dài hạn	**22.0**	**24.0**	**-8.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	10.1	11.4	-10.8%
Bất động sản đầu tư	10.1	10.4	-2.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.83**	**2.30**	**-20.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.8	35.3	80.5%
Nợ ngắn hạn	**63.8**	**35.3**	**80.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	41.3	27.0	53.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	7.41	181%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**39.0**	**40.4**	**-3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**39.0**	**40.4**	**-3.3%**
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)